

Số: 49/2025/QĐST - HN&GD

Phổ Yên, ngày 16 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 81, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 47/2025/TLST - VHN&GD ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chị **Trương Thị T**, sinh năm 2005

Địa chỉ: Thôn Ninh Tào, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

Anh **Hoàng Văn T1**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Xóm H, xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Hoàng Văn T1 kết hôn năm năm 2024, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện vào ngày 20/5/2024, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến khoảng cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do đời sống vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng thường nảy sinh bất đồng về quan điểm sống, cách sống, nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, gây tổn thương tình cảm cho nhau. Anh T1 cho rằng chị T không tôn trọng gia đình chồng khiến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay anh chị đều thấy không còn tình cảm với nhau nữa và cũng không muốn níu kéo cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, do vậy anh chị đồng thuận làm đơn đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng đôi bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung vợ

chồng, do đó việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong biên bản thỏa thuận về ly hôn, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/6/2025 là tự nguyện, cần được chấp nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là Hoàng Minh K, sinh ngày 24/12/2024. Khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung; khoản nợ chung: Chị T, anh T1 xác định không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

4. Về các vấn đề khác: Không có.

5. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Chị T, anh T1 thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào có ý kiến thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1 Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Hoàng Văn T1.

1.2. Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Hoàng Văn T1 xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Minh K, sinh ngày 24/12/2024.

Chị T, anh T1 nhất trí thỏa thuận: Chị Trương Thị T trực tiếp nuôi con chung là Hoàng Minh K, sinh ngày 24/12/2024 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung; khoản nợ chung: Chị T, anh T1 xác định không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Không có.

1.5. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Chị T, anh T1 thoả thuận cùng chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phổ Yên theo biên lai thu số 0001647 ngày 29/5/2025. Xác nhận các đương sự đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND xã Minh Đức;
- (GCNKH: 35/2024);
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Hà Thị Bích Ngọc